

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 28/2023/DS-GĐT

Ngày: 09/8/2023

V/v: Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Phước Thanh.

Các Thẩm phán: ông Trương Minh Tuấn và ông Nguyễn Văn Tào.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Trường- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự: “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Xuân S1, sinh năm 1955;

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962;

Đều cư trú tại: Khóm X1, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị.

3. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1956;

Cư trú tại: thôn X2, xã Y2, huyện Z2, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Mai Thị Tuyết N, cư trú tại: đường H1, thành phố Z3, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2018*).

Bị đơn: ông Nguyễn Xuân S2, sinh năm 1968; cư trú tại: Khóm X1, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Công ty Luật V; địa chỉ: đường H2, thành phố Z3, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2020*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1953; cư trú tại: Khóm 1, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1974; cư trú tại: Khóm X3, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị.

3. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 2002;

4. Chị Nguyễn Thanh H2, sinh năm 2004;

5. Ủy ban nhân dân huyện Z1, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: đường H3, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức T - Trưởng phòng Tư pháp huyện Z1 (*Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019*).

6. Phòng Tư pháp huyện Z1, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: đường H3, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T - Trưởng phòng Tư pháp huyện Z1 (*Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị P1 trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân L3 và bà Cái Thị P3 có 05 người con: Nguyễn Thị P2, sinh năm 1953; Nguyễn Xuân S1, sinh năm 1955; Nguyễn Thị P1, sinh năm 1958; Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963 và Nguyễn Xuân S2, sinh năm 1968. Năm 1985 ông Nguyễn Xuân L3 chết, các anh chị em trong gia đình ra ở riêng, còn ông Nguyễn Xuân S2 lập gia đình với bà Nguyễn Thị L2 và sống chung với bà Cái Thị P3. Năm 2015 bà Cái Thị P3 qua đời để lại di sản là thửa đất số 147, tờ bản đồ số 18 tại Khóm X1, thị trấn Y1, được UBND huyện Z1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 664378 ngày 16/3/2004 và 01 ngôi nhà cấp 4. Nguồn gốc của thửa đất trên là đất ở của bà P3 và ông L3 trước chiến tranh, sau đó đi sơ tán ở Tân Kỳ, Nghệ An. Năm 1973 gia đình trở về lại sinh sống từ đó cho đến nay. Năm 2004, bà P3 đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Cái Thị P3. Năm 2008, bà P3 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N 295m². Diện tích đất còn lại là 1.017m². Nhiều lần anh chị em trong gia đình đã họp để phân chia phần di sản của bố mẹ để lại, nhưng ông S2 không đồng ý.

Vì vậy, các nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị P1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản mà ông Nguyễn Xuân L3 và bà Cái Thị P3 để lại gồm 1.017m² đất mang tên hộ bà Cái Thị P3 và 01 ngôi nhà xây cấp 4.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân S2 trình bày:

Gia đình có 08 anh chị em, trong đó anh trai đầu là Liệt sỹ và 02 người chết khi còn nhỏ. Năm 2000 ông S2 lập gia đình với bà L2 và ở nuôi dưỡng bà P3. Năm 2015, bà P3 mất do ốm đau tuổi già. Vợ chồng ông S2 tiếp tục làm ăn, sinh

sống và thờ phụng ông bà tổ tiên, nội ngoại và các anh trong đó có 02 cậu ruột và 01 anh trai Liệt sỹ. Bà Ngoại của ông S2 là Liệt sỹ. Nguồn gốc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 18 được cấp năm 2004 và tại thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ gia đình có vợ chồng ông S2, các con ông S2 và bà P3. Thời gian bà P3 còn sống, ông S1 nhiều lần đến đòi chia đất, nhưng bà P3 không nhất trí. Vì vậy, ngày 20/02/2006 bà P3 đã lập di chúc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho vợ chồng ông S2 và buộc vợ chồng ông S2 phải có trách nhiệm thờ phụng ông bà và anh trai là Liệt sỹ. Văn bản này bà P3 nhờ cháu gọi bằng dì ruột là Trần Công A viết giúp có sự chứng kiến của ông Lê Phước H4 là khóm trưởng, đồng thời là xóm giềng. Sau đó UBND thị trấn Y1 chứng thực và phòng Tư pháp huyện Z1 ký tên, đóng dấu. Tại thời điểm lập di chúc bà P3 hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn không bị gò ép và hoàn toàn tự nguyện. Năm 2008 bà P3 đã bán cho bà Nguyễn Thị N là 295m², số đất còn lại bà P3 giao cho ông S2. Đối với ngôi nhà cấp 4 vợ chồng ông S2 tạo dựng bằng nguồn tiền bạc của hai vợ chồng và vay mượn thêm một số nữa để xây nhà vào năm 2007. Đối với bản di chúc ngày 27/7/2007 ông Nguyễn Xuân S1 gọi anh chị em trong gia đình để chia đất ở và đất vườn thuộc quyền sở hữu của bà P3, vợ chồng ông S2 và các con của ông S2. Do bị ép buộc nên ông S2 có ký vào văn bản đó. Tuy vậy, bà P3 đến sau và khi biết ý đồ của ông S1 nên bà P3 không đồng ý ký và bỏ về. Việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ nên ông S2 bác bỏ toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của các nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông Nguyễn Xuân L3: Diện tích đất 1.312m² đã được UBND huyện Z1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Cái Thị P3 và bà Cái Thị P3 đã lập di chúc hợp pháp giao lại cho vợ chồng ông S2 toàn quyền sử dụng 1.312m² đất bao gồm cả đất ở và đất vườn và phần đất chuyển nhượng cho bà N là 295m². Vì vậy quyền sử dụng đất của 1.017m² đất hiện nay vợ chồng ông S2 đang quản lý sử dụng không thuộc di sản thừa kế của ông Nguyễn Xuân L3. Việc ông Nguyễn Xuân S1 đòi chia thừa kế ngôi nhà cấp 4: khi còn sống bố mẹ ông S2 chỉ để lại ngôi nhà gỗ sau thời gian sử dụng dột nát. Năm 2007, vợ chồng ông S2 vay mượn bỏ tiền ra xây dựng nên đây là tài sản trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông S2. Do đó, các nguyên đơn không có quyền yêu cầu Tòa án lấy tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông S2 để chia di sản thừa kế. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ý kiến trình bày của bà Trần Thị L2: tài sản của bà Cái Thị P3 đã để lại theo di chúc cho ông S2 và bà L2 nên các nguyên đơn khởi kiện là không có căn cứ.

Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị P2: ông Nguyễn Xuân L3 đã mất từ lâu nên không có di sản để lại. Bà Cái Thị P3 đã viết di chúc để lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho vợ chồng ông S2 và bà L2 nên đề nghị Tòa án

bác đơn khởi kiện của các nguyên đơn. Nếu trường hợp Tòa án chia kỷ phần thừa kế thì đề nghị Tòa án giao kỷ phần của mình cho ông Nguyễn Xuân S2.

Ý kiến trình bày của UBND huyện Z1 và phòng Tư pháp huyện Z1: việc chứng thực văn bản giấy chuyển quyền thừa kế sử dụng đất của bà Cái Thị Thị Phòng được thực hiện theo nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ về công chứng chứng thực và thông tư số 03/2001/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Ý kiến trình bày của người làm chứng ông Lê Phước H4 - Khóm trưởng: ngày 20/02/2006 ông H4 có xác nhận việc lập di chúc của bà Cái Thị P3. Tại thời điểm lập di chúc có bốn người gồm ông H4, bà P3, ông Trần Công A và ông Nguyễn Xuân S2. Việc lập di chúc không diễn ra trước mặt ông Hàm, khi ông H4 đến thì anh Trần Công A đã lập di chúc trước và ông H4 chỉ ký xác nhận vào di chúc.

Ý kiến trình bày của người làm chứng anh Trần Công A: ngày 20/02/2006 bà Cái Thị P3 có nhờ anh A viết bản di chúc để lại quyền thừa kế sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân S2, ông A là người trực tiếp viết bản di chúc, tại thời điểm lập di chúc chỉ có ông A và bà Cái Thị P3, sau khi lập di chúc xong và giao lại bản di chúc cho bà P3 và dặn bà P3 đưa đi công chứng.

Ý kiến trình bày của người làm chứng ông Võ Việt H5: ông H5 có xác nhận vào bản di chúc của bà Cái Thị P3, nhưng chỉ ký xác nhận chữ ký của ông Lê Phước H4.

Tại Bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị P1 và bà Nguyễn Thị Loan.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Xuân L3 là ngày 10/9/1990 và bà Cái Thị P3 là ngày 03/12/2015.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Xuân L3 gồm: bà Cái Thị P3, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Xuân S2.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Cái Thị P3 gồm: bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Xuân S2.

4. Tuyên bố giấy chuyển nhượng quyền thừa kế sử dụng đất của bà Cái Thị P3 lập ngày 20/02/2006 vô hiệu.

5. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Xuân L3 và bà Cái Thị P3 là 1.017m² đất tại thửa đất số 147/1 tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Khóm X1, thị trấn Y1, Z1, Quảng Trị và một phần trong ngôi nhà xây cấp 4 trị giá 165.256.000đ là di sản của bà Cái Thị P3.

6. Trích 20% giá trị của thửa đất số 147/1 cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân S2 và bà Trần Thị L2 trị giá 1.068.393.000đ để trả phần công sức quản lý duy trì

thửa đất. Trích 20% giá trị di sản trong phần nhà cấp 4 của bà Cái Thị P3 trị giá 33.051.000đ cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân S2 và bà Trần Thị L2 để bù đắp lại công sức quản lý, duy tu tôn tạo ngôi nhà và chăm sóc bà P3 những năm tháng cuối đời.

7. Di sản Thừa kế của ông Nguyễn Xuân L3 trị giá 2.136.786.000đ chia cho 06 kỹ phần gồm bà Cái Thị P3, bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Xuân S2 mỗi người được hưởng 356.131.000đ.

Di sản thừa kế của bà Cái Thị P3 trị giá 2.625.122.000đ được chia cho 05 kỹ phần gồm bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Xuân S2 mỗi người được hưởng 525.024.400đ.

Ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị P1 và bà Nguyễn Thị L1 được hưởng 03 kỹ phần và thống nhất giao cho ông S1 đại diện đứng tên quản lý, tổng giá trị 2.638.123.800đ.

Ông S2 được hưởng 02 kỹ phần bao gồm cả của bà P2 tổng giá trị: 1.758.749.200đ.

8. Giao hiện vật:

Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân S2 và bà Trần Thị L2 được sở hữu diện tích đất 400m² tại thửa đất số 147 địa chỉ: Khóm X1, thị trấn Y1, Z1, Quảng Trị trị giá 2.716.500.000đ (*Trong đó 100m² đất ở trị giá 960.000.000 đồng, 200m² đất vườn vị trí 1 trị giá 1.542.000.000đ, 100m² đất vườn vị trí 2 trị giá 214.500.000đ*) và ngôi nhà cấp 4 (*trong đó có phần nhà cấp 4 mà bà P3 được hưởng trị giá 132.205.000đ và 33.051.000đ trích phần công sức duy tu tôn tạo ngôi nhà*). Ông Nguyễn Xuân S2 phải bù số tiền chênh lệch về tài sản cho ông S1 là 18.001.200đ.

Giao phần đất còn lại ông Nguyễn Xuân S1 diện tích đất 617m² tại thửa đất số 147, địa chỉ: Khóm X1, thị trấn Y1, Z1, Quảng Trị, trị giá 2.625.465.000đ (*trong đó có 100m² đất ở trị giá 960.000.000đ, 100m² đất vườn vị trí 1 trị giá 771.000.000đ, 417m² đất vườn vị trí 2 trị giá 894.465.000đ; mặt tiền đường Trần Phú 8m*).

Bản án sơ thẩm bị nguyên đơn, bị đơn kháng cáo và VKSND huyện Z1 kháng nghị.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2020/DS-PT ngày 25/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S1 và bà Nguyễn Thị L1; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh và một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân S2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị P1.

- Giao cho ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị P1 được quyền sở hữu diện tích đất 200m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Khóm X1, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị (*trong đó có 50m² đất ở và 150m² đất vườn*) trị giá 180.211.500 đồng, có vị trí như sau: phía Tây Bắc giáp đường nội khóm dài 6,7m; phía Đông Nam giáp đất hộ ông Thông dài 6,7m; phía Tây Nam giáp đất ông S1 dài 30m; phía Đông Bắc giáp đất ông S2 dài 30m gồm các điểm BGCH nối lại với nhau theo sơ đồ ngày 24/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Z1 (*có sơ đồ kèm theo*). Bà L1 và bà P1 thống nhất giao lại diện tích đất trên cho ông S1 sở hữu. Buộc ông Nguyễn Xuân S2 và bà Trần Thị L2 tháo dỡ tài sản, chặt các loại cây cối trên diện tích đất trên để trả lại mặt bằng cho ông S1.

- “*Giấy chuyển quyền thừa kế sử dụng đất*” của cụ Cái Thị P3 lập ngày 20/02/2006 có hiệu lực pháp luật.

- Giao cho ông Nguyễn Xuân S2 và bà Trần Thị L2 được quyền sử dụng và sở hữu diện tích đất 817m² tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Khóm X1, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị (*trong đó 150m² đất ở và 667m² đất vườn*) trị giá 546.148.000 đồng và tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4 và tài sản khác trị giá 235.415.000đ. Đất có vị trí: phía Tây Bắc giáp đường nội khóm dài 33,20m; phía Đông Nam giáp đất hộ ông Thông, bà N đoạn dài 11,60m; 10m và 25m; phía Tây Nam giáp phần đất ông S1, bà L1 và bà P1 được chia dài 30m; phía Đông Bắc giáp đường Trần Phú dài 20m gồm các điểm AGHDEF nối lại với nhau theo sơ đồ ngày 24/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Z1 (*có sơ đồ kèm theo*).

- Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quyết định của bản án đã tuyên.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 33/KN-DS ngày 23/6/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, quyết định:

1. Kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về vụ án “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị P1 với bị đơn là ông Nguyễn Xuân S2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

3. Tạm đình chỉ thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 33/KN-DS ngày 23/6/2023 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao theo hướng hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.312 m² tại Khóm X1, thị trấn Y1, huyện Z1, tỉnh Quảng Trị do vợ chồng cụ Nguyễn Xuân L3, cụ Cái Thị P3 xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1973.

Cụ Nguyễn Xuân L3 (*chết năm 1985*) và cụ Cái Thị P3 (*chết năm 2015*) có 05 người con; đó là: Bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Xuân S2. Ông Nguyễn Xuân S2 ở cùng vợ chồng cụ Nguyễn Xuân L3, cụ Cái Thị P3 tại nhà đất tranh chấp nêu trên.

Năm 2004, hộ cụ P3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007, cụ P3 và vợ chồng ông S2 dỡ bỏ nhà cũ của vợ chồng cụ P3, xây dựng nhà mới hiện nay. Năm 2008, cụ P3 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N diện tích 295m² đất trong diện tích đất nêu trên, việc chuyển nhượng các đương sự không có tranh chấp.

[2] Ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị P1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Xuân L3, cụ Cái Thị P3 là căn nhà cấp 4 và diện tích đất còn lại 1.017m² (*đã trừ 295m² đất đã chuyển nhượng cho bà N*). Ông S2 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn; cho rằng cụ P3 đã lập di chúc để lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho vợ chồng ông S2 theo “*Giấy chuyển quyền thừa kế sử dụng đất*” ngày 20/02/2006 và cho rằng căn nhà cấp 4 là do vợ chồng ông S2 xây dựng.

[3] Xét thấy: Tại “*Giấy chuyển quyền thừa kế sử dụng đất*” ngày 20/02/2006, có nội dung: thửa đất số 147, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.312m² vợ chồng cụ P3 được Hợp tác xã cấp năm 1958 và vợ chồng cụ P3 làm nhà ở từ năm 1958 cho đến nay; cụ P3 để lại toàn bộ nhà, cây cối trên diện tích 1.312m² đất cho vợ chồng ông S2 và sau khi cụ P3 qua đời, vợ chồng ông S2 phải có trách nhiệm thờ cúng ông bà, cha mẹ là đã thể hiện ý chí của cụ P3 sau khi chết cụ P3 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “*Giấy chuyển quyền thừa kế sử dụng đất*” ngày 20/02/2006 là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không đúng và chính xác.

Di chúc nêu trên có dấu điểm chỉ và chữ ký đề tên cụ P3, chữ ký của các con cụ P3 là bà P1, bà P2, ông S2, chữ ký của ông Lê Phước H4 (*Trưởng Khóm X1*) và xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Y1, chứng thực của Phòng Tư pháp huyện Z1 ngày 08/3/2006. Căn cứ lời khai của đương sự và các nhân chứng thì có cơ sở xác định cụ P3 không biết chữ; ông Trần Công A khai cụ P3 có nhờ ông A viết hộ di chúc và tại thời điểm lập di chúc chỉ có ông A, cụ P3; ông Lê Phước H4 khai việc lập di chúc không diễn ra trước mặt ông H4 và khi ông H4 đến thì di chúc lập xong, đã có chữ ký không biết của ai và cụ P3 điểm chỉ thời điểm trước khi ông H4 ký xác nhận. Ông S2 thừa nhận cụ P3 không biết chữ, ông A đã viết hộ di chúc và ký tên cụ P3; Ủy ban nhân dân thị trấn Y1 và Phòng Tư pháp huyện Z1 trình bày khi tiến hành xác nhận, chứng thực thì di chúc ngày 20/02/2006 đã được lập từ trước và đã có chữ ký sẵn của các bên. Do đó, việc lập di chúc nêu trên không đúng theo quy định của Điều 654, Điều 656, Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005. Bên cạnh đó, theo “*Giấy chuyển quyền thừa kế sử dụng đất*” ngày 20/02/2006 thì cụ P3 đã định đoạt cả phần di sản của cụ Lực để lại nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không điều tra, làm rõ mà xác định “*Giấy chuyển quyền thừa kế sử dụng đất*” ngày 20/02/2006 có hiệu lực pháp luật là chưa đủ cơ sở.

[4] Theo Biên bản thực địa ngày 31/10/2003, thể hiện thửa đất số 147, diện tích thực tế 1.312 m² (*bao gồm 414m² hành lang lưới điện 10 KV*). Tuy nhiên, cơ quan điện lực đã di dời đường điện 10 KV từ năm 1990 và cụ P3 cùng ông S2 đã bao chiếm, sử dụng diện tích hành lang lưới điện này và được Nhà nước công nhận diện tích đất này khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 cho hộ cụ P3. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 1.017m² đất (*diện tích đất còn lại sau khi cụ P3 chuyển nhượng, bao gồm cả diện tích hành lang lưới điện*) là di sản của vợ chồng cụ P3 để chia thừa kế theo pháp luật là không chính xác, không đảm bảo quyền lợi của ông S2; Tòa án cấp phúc thẩm chỉ căn cứ lời khai, tài liệu của ông S2 xuất trình để cho rằng năm 1973 vợ chồng cụ P3 chỉ được cấp 800m² đất, hộ cụ P3 (*gồm cụ P3, vợ chồng ông S2 và 02 người con*) đã khai phá thêm 512m² đất (*cụ P3 đã chuyển nhượng 295m² đất*) nên diện tích 217m² đất khai phá còn lại là tài sản chung của hộ cụ P3, trong khi năm 2001 ông S2 mới lập gia đình là chưa đủ căn cứ.

Từ những nhận định trên thấy rằng Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 33/KN-DS ngày 23/6/2023 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345, Điều 348 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 33/KN-DS ngày 23/6/2023 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị về vụ án “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân S1, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị P1 với bị đơn là ông Nguyễn Xuân S2.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Vĩnh Linh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Linh;
- Lưu: Phòng HCTP, GDKT II và HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh